

Bản án số: 53/2018/HC-PT

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2017/QĐ - PT ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Mai Văn N , sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ , xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L , sinh năm 1966, theo giấy ủy quyền ngày 10/3/2018 (có mặt).

Địa chỉ: Nguyễn Bình Khiêm, phường Quang Vinh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện - ông Mai Văn N trình bày:

Vào năm 1995, gia đình ông Mai Văn N có nhận chuyển nhượng một khu đất 19,796m², tọa lạc tại ấp Đ , xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang của ông Nguyễn Văn C . Nguồn gốc đất do ông C khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1975. Sau khi sang nhượng, gia đình ông N tiến hành xây dựng nhà, trồng các loại cây như tiêu, đào, dừa và hoa màu.

Từ tháng 02/2007 đến tháng 10/2008 Cục khảo sát đo đạc tiến hành đo đạc thửa đất theo sơ đồ số 15. Tháng 7 năm 2009 Ban bồi thường Nhà nước chỉ yêu cầu ông N di dời vật kiến trúc để giải phóng mặt bằng đối với diện tích 7.101.1m², còn 12.694m² có trồng 219 cây dừa thì Nhà nước không có quyết định thu hồi vì không nằm trong dự án.

Ngày 18/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 về việc thu hồi khu đất nêu trên của gia đình ông N với diện tích đo thực tế là 17.994.6m², trong đó đất trồng cây lâu năm là 1.228.5m², đất trồng cây hằng năm 3.624.3m², đất rừng phòng hộ 13.091,7m² để thực hiện dự án du lịch ven biển Bắc Bãi Trường tại xã Dương Tơ do Công ty Cổ phần N đầu tư. Ông N không đồng ý quyết định này, nên khiếu nại yêu cầu bồi thường đối với phần đất nông nghiệp 13.091,7m² và yêu cầu bồi thường 219 cây dừa trên đất đã được 03 năm tuổi.

Ngày 23/10/2013 Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5183/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của gia đình ông N , ông N tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/01/2015 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 126/QĐ- UBND, giữ nguyên nội dung quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ông N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trình bày:

Việc ông Mai Văn N yêu cầu bồi thường diện tích đất 13.091,7m² là không có cơ sở, vì kết quả xác minh hộ ông N chiếm diện tích đất 13.091,7m² vào năm 2006 sử dụng trồng 219 cây dừa. Theo quy định tại khoản 2, Điều 45 Nghị định số

84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì các trường hợp chiếm đất từ ngày 01/7/2004 trở về sau, không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Mặt khác, khi làm việc với ông Nguyễn Văn C, ông C trình bày trước năm 1995 ông C có khai phá sử dụng diện tích đất 2.000m² (giáp với diện tích 13.091,7m² đất nêu trên) để trồng cây ăn trái, năm 1995 ông C chuyển nhượng diện tích 2.000m² đất này cho ông Mai Văn N, còn diện tích đất 13.091,7m² là đất trống ông C không sử dụng và không chuyển nhượng cho ông N.

Việc ông Mai Văn N khiếu nại yêu cầu bồi thường 219 cây dừa trồng trên diện tích đất 13.091,7m² là không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 3 Bảng quy định đơn giá bồi thường về cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (ban hành kèm theo Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của UBND tỉnh), vì ông Nam trồng 219 cây dừa trên phần đất lấn chiếm, không hợp pháp.

Do đó, ông Mai Văn N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N. Hủy toàn bộ Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (người được ông Mai Văn N ủy quyền). Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang xem xét lại theo hướng nhận định của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2016 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 16/2016/HCST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện các chứng

cứ, bỏ sót tư cách đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành L đại diện theo uỷ quyền của Mai Văn N cho rằng thực tế vào năm 1995 ông N chỉ nhận chuyển nhượng của ông C khu đất diện tích 3.000m² với giá 05 chỉ vàng, sau đó ông N khai phá thêm phần đất phía sau để sử dụng. Trong khu đất này anh trai của ông N có khai dụn khoảng 9.000m² và năm 2006 trồng dừa, để cho ông N sử dụng và được bồi thường. Việc gia đình ông N khai phá, thuê phát dụn và canh tác từ trước đến nay đều có những hộ dân ở giáp ranh biết. Uỷ ban tỉnh nói diện tích 13.091,7m² đất đã giao cho rừng phòng hộ là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Ngày 18/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành quyết định số 866/QĐ-UBND về việc thu hồi đối với diện tích 17.994.6m² đất, tọa lạc tại ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang do gia đình Mai Văn N đang sử dụng để thực hiện dự án du lịch ven biển Bắc Bãi Trường do Công ty Cổ phần N đầu tư.

Ngày 21/01/2011 Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành Quyết định số 1595/QĐ-UB ngày 18/01/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu du lịch ven biển Bắc Bãi Trường, bồi thường cho ông N 423.031.000đ.

Ngày 11/07/2011 Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành quyết định số 39695/QĐ-UB ngày 18/01/2011 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu du lịch ven biển Bắc Bãi Trường, bồi thường bổ sung cho ông N 1.125.438.600đ. Không đồng ý quyết định này, ông N khiếu nại yêu cầu bồi thường đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 13.091,7m² và yêu cầu bồi thường 219 cây dừa trên đất đã được 03 năm tuổi.

Ngày 23/10/2013 Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc ban hành Quyết định số 5183/QĐ –UBND, không chấp nhận khiếu nại của gia đình ông N . Ông N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định 126/QĐ- UBND, giữ nguyên nội dung Quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.2 Xét thấy, ông Mai Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 5183/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Đối với Quyết định số 5183/QĐ-UBND có nội dung khẳng định Quyết định số 1595/QĐ-UB ngày 18/01/2011 nêu trên là đúng và không chấp nhận khiếu nại của ông Mai Văn N. Mặt khác, theo trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang cho rằng vào năm 1998 UBND tỉnh Kiên Giang đã giao diên tích đất 13.091,7m² nêu trên cho Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn cho ông N khởi kiện yêu cầu xem xét, giải quyết các Quyết định đã ban hành trước Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông N 13.091,7m² đất và 219 cây dừa nêu trên. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc, UBND huyện Phú Quốc và Ban quản lý rừng phòng hộ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mới đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các đương sự này vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[2] Về nội dung:

2.1 Tại đơn khởi kiện, ông Mai Văn N trình bày vào năm 1995, gia đình ông N nhận chuyển nhượng một khu đất 19,796m², tọa lạc tại ấp Đ , xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang của ông Nguyễn Văn C . Nguồn gốc khu đất này do ông C khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1975. (BL 01, 40). Tuy nhiên, sau đó lúc thì ông N trình bày chuyển nhượng của ông C 4.000m², lúc thì trình bày 3.000m² và tự khai phá thêm khoảng 13.000m² (BL 90, 127). Như vậy, ông N trình bày về nguồn gốc đất không thống nhất.

2.2 Tại Biên bản ngày 27/6/2012 do Thanh tra huyện Phú Quốc lập, ông N trình bày “... Phần thứ 2 có diện tích khoảng 9 công trong diện tích 13.091,7m² đất ở thửa số 38 thì có nguồn gốc do anh tôi phát dọn để trồng dừa vào năm 2006 trồng dừa, nhưng phương án đã lập cho tôi là 219 cây dừa loại D...”; “...Hiện trạng đất lúc phát dọn là rừng tràm tự nhiên và vài cây tràm bông vàng (do tự mọc trên đất), không phải do tôi trồng”. Ông Nguyễn Văn C thì trình bày chỉ chuyển nhượng cho

ông N 2.000m² (BL 54). Hơn nữa, theo trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang (BL 90) cho rằng diện tích đất 13.091,7m² mà ông N yêu cầu bồi thường là đất rừng phòng hộ, vì UBND tỉnh Kiên Giang đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý từ năm 1998. Do đó, cần phải thu thập chứng cứ làm rõ diện tích đất này đã được UBND tỉnh Kiên Giang đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý chưa?

2.3 Theo nội dung Biên bản ngày 27/6/2012 đã nêu thì đây là những lời khai ban đầu của ông N nên được coi là chứng cứ khách quan. Như vậy, có căn cứ xác định trong phần đất ông N khiếu nại là do người khác khai phá và trồng dừa chứ không phải do ông N ; trước khi phát dọn hiện trạng đất là tràm bông vàng tự mọc. Tuy nhiên, Biên bản này là bản phô tô không có đóng dấu, xác nhận của cơ quan lập biên bản, do đó cần phải làm rõ nguồn gốc của Biên bản để xác định tính hợp pháp của chứng cứ. Đối với các chứng cứ khác nếu là bản phô tô thì cũng cần phải có công chứng hoặc chứng thực, xác nhận của cơ quan ban hành theo quy định của pháp luật thì mới có giá trị chứng minh.

[3] Do Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập làm rõ các chứng cứ nêu trên, nhưng đã xét xử huỷ Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang là không có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; huỷ toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; huỷ toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 24 tháng 8

năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang(1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người được người KK uỷ quyền(1);
- Người bị kiện(3);
- Người liên quan(2);
- Lưu hồ sơ(2), VP(3), 15b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Ngọc Huỳnh